

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật và quản lý tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN QUỐC LẬP**

2. Ngày tháng năm sinh: 28/8/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 37/114 Tân Phong, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Trần Quốc Lập, Bộ môn Kỹ thuật tài nguyên nước, P311 nhà A1, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0966916677, E-mail: tranquoclap@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm tháng 5/2003 đến tháng 3/2015 là giảng viên bộ môn Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa Kỹ thuật tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi.
- Từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2018 là nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Kanazawa, Nhật Bản.
- Từ tháng 4/2018 đến nay là giảng viên bộ môn Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa Kỹ thuật tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa Kỹ thuật tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: Số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3852 2201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi công tác sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 6 năm 2002; Số văn bằng: B362122; ngành: Thủy nông - Cải tạo đất, chuyên ngành: Thủy Nông - Cải tạo đất.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 01 năm 2011; Số văn bằng: A000422; ngành: Quy hoạch và Quản lý tài nguyên nước, chuyên ngành: Quy hoạch và Quản lý tài nguyên nước.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 3 năm 2018, ngành: Kỹ thuật môi trường.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Tổng hợp Kanazawa, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày.... thángnăm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu đánh giá và dự báo nhu cầu nước cho nông nghiệp.
- Nghiên cứu đánh giá và dự báo diễn biến của hạn hán dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
- Nghiên cứu dự báo cường độ của bão, lũ và thiệt hại về kinh tế do bão và lũ lụt gây ra.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ...0...NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài nhánh thuộc đề tài cấp nhà nước;
- Đã công bố (số lượng) 18 bài báo KH, trong đó 06 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã được cấp (số lượng) ...0...bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02 trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Là giảng viên của Trường Đại học Thủy lợi, tôi luôn tu dưỡng đạo đức, tư tưởng và bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo với chức danh giảng viên theo đúng các quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định tại Chương II Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập cũng như các quy định về bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn của Trường.

- Là giảng viên của trường Đại học Thủy lợi, tôi luôn (i) hoàn thành tốt các công việc giảng dạy ở cả bậc đại học và sau đại học, (ii) tham gia biên soạn và giảng dạy chương trình đào tạo Ngành kỹ thuật tài nguyên nước, Thủy lợi, (iii) tích cực tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) (đã chủ trì 01 đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước Mã số 24/2019/ĐTĐL.CN-CNN, thành viên chính 02 đề tài cấp nhà nước, 03 đề tài cấp bộ nông nghiệp và cấp thành phố Hà Nội), bên cạnh đó, tôi còn tham gia các hoạt động khoa học khác như tham gia phản biện trong các tạp chí quốc tế và trong nước của nhà xuất bản có uy tín như (Elsevier, Springer...),.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*)

Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm và 2 tháng.

(Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			-	14	271.0		271.00/349.77/270
2	2019-2020			-	10	237.1		237.10/311.52/270
3	2020-2021			1	7	278.8	57.4	336.20/382.20/270
3 năm học cuối								
3	2021-2022			2	10	275.0	92.7	367.70/463.64/280
4	2022-2023			1	7	116.0	97.8	228.83/289.78/280
5	2023-2024			1	3	177.0	73.0	250.00/347.80/280

(*) – Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT- BGDDT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT- BGDDT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:; số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Ielts, B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Trịnh Đắc Tuấn		x	x		10/12/2019- 22/05/2020	Trường Đại học Thủy lợi	25/6/2021
2	Lê Đắc Bình		x	x		05/08/2020- 26/02/2021	Trường Đại học Thủy lợi	25/4/2022
3	Nguyễn Việt Hải		x	x		05/08/2020- 26/02/2021	Trường Đại học Thủy lợi	07/9/2022
4	Soulinxay HEUANGVONGSA		x	x		17/04/2023- 25/08/2023	Trường Đại học Thủy lợi	12/10/2023
5	Trần Thị Thanh Dung		x	x		06/03/2024- 27/05/2024	Trường Đại học Thủy lợi	01/4/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Kỹ thuật tài nguyên nước	GT	Bách khoa, năm 2020	6	VC	Chương 4 (từ trang 99 đến trang 143)	Giấy xác nhận số 428/GXN-ĐHTL, ngày 19/6/2020
2	Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật tưới tiên tiến tiết kiệm nước	CK	Nhà xuất bản Xây dựng 2021	2	VC	Chương 1, 3, 5, 6	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329)

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT, ...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ					
1	Đề tài Nhánh của đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia, Mã số: 24/2019/ĐTĐL.CN-CNN: “Xây dựng mô hình diễn hình khai thác bền vững đất cát biển tại các địa phương ở Hà Tĩnh, Quảng Bình đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao thu nhập người dân”	CN	Hợp đồng số 05/HĐ - KHCN ngày 02/4/2019	Tháng 04 năm 2019 đến tháng 02 năm 2022	Ngày 11/01/2022 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sang chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Tháng Năm công bố
I	Trước khi bảo vệ luận án TS							
1	Công trình thủy lợi phục vụ phát triển các ngành kinh tế khác nông nghiệp của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc – Việt Nam	2	Không	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 16, trang 34 - 42	3/2007

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)*	Tập, số, trang	Tháng Năm công bố
2	Báo cáo phân tích tổng hợp xây dựng nhóm chỉ tiêu – tiêu chí đánh giá hiệu quả công trình thủy lợi phục vụ cấp thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy sản	1	Có	Tuyển tập báo cáo khoa học tiểu ban Kỹ 5*thuật tài nguyên nước			Trang 74-83	11/2009
3	Ứng dụng mô hình VIC trong đánh giá hạn hán ở lưu vực sông Cái	2	Không	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)		3	Số 46, trang 86-93	9/2014
4	Simulations of Heavy Rainfall from a Tropical Cyclone in Coastal Regions of Vietnam under the Global Warming	2	Có	Journal of Climate Change (ISSN print: 2395-7611 ISSN online: 2395-7697)	- ESCI IF: 0.7	1	Tập 2, số 2, trang 25-34	7/2016
5	Impact of socio-economic and climate change on a tropical cyclone loss in Vietnam	2	Có	Journal of Japan Society of Civil Engineers eISSN : 2185-467X; ISSN-L : 2185-467X	J-STAGE		Tập 73, số 4, trang 97-102	2017
II	Sau khi bảo vệ luận án TS							
6	The impacts of climate change on irrigation water requirement for spring season paddy in Ha Noi city, Ha Nam, Hung Yen and Nam Dinh provinces	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 62, trang 111-118	9/2018
7	Researching the Variation of Typhoon Intensities Under Climate Change in Vietnam: A Case Study of Typhoon Lekima, 2007	1	Có	Hydrology EISSN: 2306-5338	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI IF: 3.1, Q1	8	Tập 6, số 2, trang 1-15	6/2019
8	The variations of heavy rainfall in the northern region of Vietnam under the global warming: a case study of heavy rainfall event from 30 October to 05 November, 2008	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 66, trang 137-144	9/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng Năm công bố
9	Nghiên cứu xác định mức đảm bảo tưới hợp lý cho cây trồng cạn chủ lực có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam	3	Không	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 85, trang 35-42	9/2023
10	Xây dựng bản đồ hệ số tiêu cho các loại cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 85, trang 43-50	9/2023
11	Assessment of Flood Economic Losses Under Climate Change: A Case Study in the Ngan Sau River Basin, Ha Tinh Province and Vietnam	1	Có	Journal of Climate Change (ISSN print: 2395-7611; eISSN: 2395-7697)	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI IF: 0.7		Tập 9, số 4, trang 13-23	12/2023
12	Đánh giá sự thay đổi nhu cầu nước tưới cho cây lúa khu vực Bán đảo Cà Mau dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	2	Không	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (ISSN: 1859-3941)			Số 86, trang 82-91	12/2023
13	Impact of climate change on irrigation water requirements for coffee plants in the fruit development stage: a case study of Dak Lak and Gia Lai provinces in the Central Highlands of Vietnam	1	Có	Water supply (ISSN 1606-9749; EISSN 1607-0798)	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 1.9/Q2	5	Tập 24, số 1, trang 290-311	01/2024
14	The impacts of climate change on meteorological drought in the Central Highlands region of Vietnam	1	Có	Journal of Hydroinformatics (ISSN 1464-7141; EISSN 1465-1734)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 2.1, Q2		Tập 26, số 9, trang 2416-2442	9/2024
15	Teleconnections between Sea Surface Temperature Anomalies and the Southern Oscillation Index in the Pacific and Indian Oceans on Drought Events in the Mekong Delta	2	Có	Water Resources ISSN: 0097-8078; EISSN: 1608-344X	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 1.0/Q3	1	Tập 51, số 5, trang 764-779	10/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) *	Tập, số, trang	Tháng Năm công bố
16	Nghiên cứu mô phỏng mức độ úng ngập do mưa dưới tác động của biến đổi khí hậu tại khu đô thị công nghiệp Trầm Đề tỉnh Sóc Trăng	2	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			Số 88, trang 111-120	2/2025
17	The Variation of Meteorological Drought with the Probabilities of Rainfall and Temperature Under the Impact of Climate Change on the South Central Coast Region of Vietnam	1	Có	International journal of Environmental Research eISSN 2008-2304; Print ISSN 1735-6865	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 2.8, Q2		Tập 19, số 4, trang 1-20	4/2025
18	Ứng dụng mô hình quan hệ mưa – dòng chảy – ngập lụt (RRI) trong xây dựng bản đồ ngập lụt cho lưu vực sông Đắc Bla	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (ISSN: 1859-4255)			Số 90, trang 90-97	6/2025

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng PGS/TS: 6 ([7] [11] [13] [14] [15] [17]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS ☐)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS ☐)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

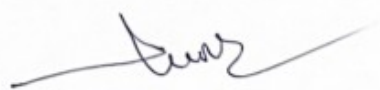
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2025

Người đăng ký



Trần Quốc Lập